TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **05**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12-01-2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa

2. Ông Trần Thanh Việt

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên toà: Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 467/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 424/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 430/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trịnh Thành C, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: khóm TQ, phường MQ, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khóm MQ, phường MQ, thành phố LX, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 11 năm 2021 và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Trịnh Thành C thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Năm 2005, ông và bà Nguyễn Thị Thu V quen biết và tự nguyện đi đến hôn nhân. Do hai bên gia đình không đồng ý nên ông và bà V chỉ mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Quý vào ngày 07/01/2005 mà chưa tổ

chức đám cưới hay dọn về chung sống với nhau. Sau đó, do mâu thuẫn giữa gia đình hai bên, ông và bà V không thể tìm được cách giải quyết nên từ năm 2007 cho đến nay ông và bà V cũng không còn liên lạc qua lại với nhau nữa. Do mục đích cuộc hôn nhân không đạt được nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu V;

Về con chung, tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu V không có văn bản trình bày ý kiến, không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; cũng như không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa ngày 12 tháng 01 năm 2022: Ông Trịnh Thành C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trịnh Thành C với bà Nguyễn Thị Thu V;

+ Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông C phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông C khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà V. Bà V có nơi cư trú tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà V được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà V.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Theo lời trình bày của ông C, ông và bà V chỉ thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Mỹ Quý vào ngày 07/01/2005 nhưng không có tổ chức đám cưới, cũng không có quá trình chung sống vợ chồng với nhau. Từ năm 2007 cho đến nay cả hai đã không còn liên lạc. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong cuộc hôn nhân giữa ông C và bà V; ông, bà lại không thực hiện các nghĩa vụ này. Quá trình giải quyết vụ án, bà V không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, không tham dự các buổi hòa giải, không tham dự phiên tòa, không đưa ra được giải pháp hàn gắn hôn nhân giữa ông, bà. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét yêu cầu của bà V. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C với bà V.

[3.2] Về con chung và tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Ông C trình bày không có tuy nhiên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì ông C và bà V phải liên đới trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án khác.

[3.4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông C phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 186, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trịnh Thành C với bà Nguyễn Thị Thu V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2005 ngày 07/01/2005 do Ủy ban nhân dân phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp cho Trịnh Thành C và Nguyễn Thị Thu V hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung, tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trịnh Thành C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000665 ngày 09 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên. Ông C đã nộp đủ.

4/ Về quyền kháng cáo: Ông C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Nguyễn Thị Thu V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Bé Thu